TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **87**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2023
V/v "Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khương** và Bà **Nguyễn Hải Anh**

- *Thư ký phiên Tòa:* Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm Sát viên.

Ngày 15 tháng 9 N 2023, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2023/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 6 N 2023, về việc *"Xin ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 8 N 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 N 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cao Thị Bé N**, sinh N 1987

Địa chỉ: Khu phố MA, Thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn V**, sinh N 1983

Địa chỉ: Khu phố MA, Thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG (Có mặt)

(Anh V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai Nhng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Cao Thị Bé N trình bày:* Vào N 2008, chị và anh Trần Văn V quen nhau và có làm lễ cưới sau đó đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hòa thuận, hạnh phúc và có 02 người con chung Trần Bảo N, sinh ngày 31/8/2009 và Trần

Bảo Nh, sinh ngày 15/01/2011 Nhng đến khoảng thời gian gần đây thì giữa anh chị xảy ra Nều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên toà chị Cao Thị Bé N có các yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: xin được ly hôn với anh Trần Văn V

- Về việc nuôi con chung: 02 người con cbung là Trần Bảo N, sinh ngày 31/8/2009 và Trần Bảo Nh, sinh ngày 15/01/2011 thì tùy theo nguyện vọng của các con, muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Trần Văn V:* Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn V đã tham gia phiên hòa giải được một lần nhưmg anh V không đồng ý ly hôn với chị Cao Thị Bé N với lý do anh muốn sống chung để nuôi con đến khi trưởng thành, anh cũng xác nhận về con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên sau lần hòa giải đó thì anh V không hợp tác và đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Bé N, cho chị Cao Thị Bé N được ly hôn với Trần Văn V

- Về việc nuôi con chung: Giao 02 người con chung Trần Bảo N, sinh ngày 31/8/2009 và Trần Bảo Nh, sinh ngày 15/01/2011 cho chị Cao Thị Bé N chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Bé N không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị Bé N xác định là không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị Bé N thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Cao Thị Bé N yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Văn V và yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung Trần Bảo N, sinh ngày 31/8/2009 và Trần Bảo Nh, sinh ngày 15/01/2011 nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là "Xin ly hôn và nuôi con chung".

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập, tống đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định pháp luật nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bé N thống nhất yêu cầu xét xử vắng mặt anh Trần Văn V. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự N 2015, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Trần Văn V theo quy định pháp luật.

[4] - Về nội dung: Chị Cao Thị Bé N và anh Trần Văn V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Bé N yêu cầu ly hôn với anh Trần

Văn V: HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị Bé N xác nhận, sau khi kết hôn thì giữa chị và anh V chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì giữa chị và anh V bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không cùng chung quan điểm, không có tiếng nói chung cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Đối với anh V mặc dù Tòa án đã nhiều lần tống đạt thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên anh chị có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng anh V vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để anh V có mặt tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt. Tại phiên toà chị Bé N một mực cương quyết xin được ly hôn với anh V và trên thực tế anh chị đã ly thân với nhau từ đầu N 2023 cho đến nay. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị Cao Thị Bé N và anh Trần Văn V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, xét thấy việc chị Cao Thị Bé N yêu cầu xin được ly hôn đối với anh Trần Văn V là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[5] - Về con chung: Chị Cao Thị Bé N xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị có với nhau 02 người con chung tên 02 người con chung Trần Bảo N, sinh ngày 31/8/2009 và Trần Bảo Nh, sinh ngày 15/01/2011, hiện nay cháu đang đang sống cùng chị Bé N. Nay chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. HĐXX nhận thấy kể từ sau khi hai vợ chồng ly thân cho đến nay chị Bé N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu Nh và chị vẫn chăm sóc tốt cho các con nên HĐXX giao cháu N và cháu Nh cho chị Bé N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu, phù hợp theo nguyện vọng của các cháu và cũng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị Bé N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] - Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã Nếu lần triệu tập anh Trần Văn V đúng theo quy định pháp luật nhưng anh V

vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung cũng như nợ chung giữa anh và chị Bé N được. Tại phiên toà chị Bé N khẳng định vợ chồng chị không tạo lập được tài sản gì chung và cũng không có nợ gì ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung và nợ chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự N 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc chị Cao Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Nhng chị được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005627 ngày 01/06/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự N 2015;

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình N 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Cao Thị Bé N đối với bị đơn anh Trần Văn V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Cao Thị Bé N được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn V.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 31/8/2009 và Trần Bảo Nh, sinh ngày 15/01/2011 cho chị Cao Thị Bé N tiếp tục chăm sóc, nuôi

dưỡng. Chị Cao Thị Bé N không yêu cầu anh Trần Văn V cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con

Anh Trần Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Cao Thị Bé N xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Cao Thị Bé N xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Cao Thị Bé N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005627 ngày 01/06/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND TT Minh Lương, CT
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Tấn Đẩu